



# GIỚI THIỆU VIETINBANK

Quý I/2020

# Nội dung chính

1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng
2. Thông tin chung về VietinBank
3. Điểm nhấn đầu tư
4. Kết quả hoạt động
5. Định hướng hoạt động năm 2020
6. Phụ lục

# 1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

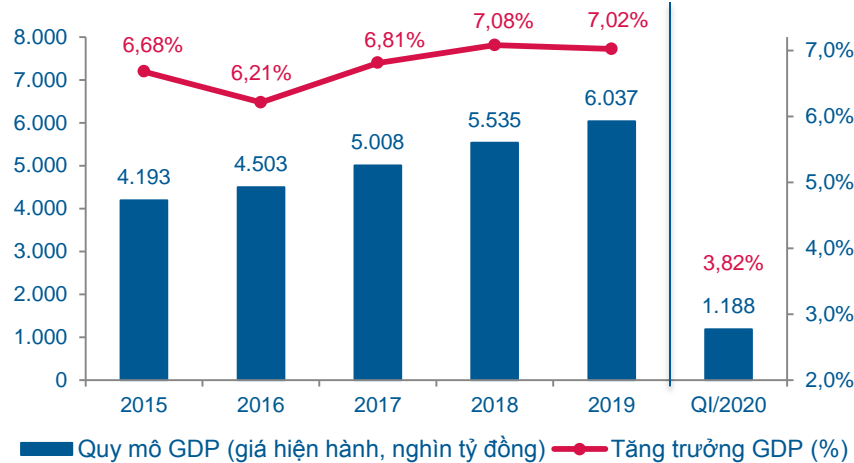
- ❖ Kinh tế vĩ mô
- ❖ Ngành ngân hàng

# 1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

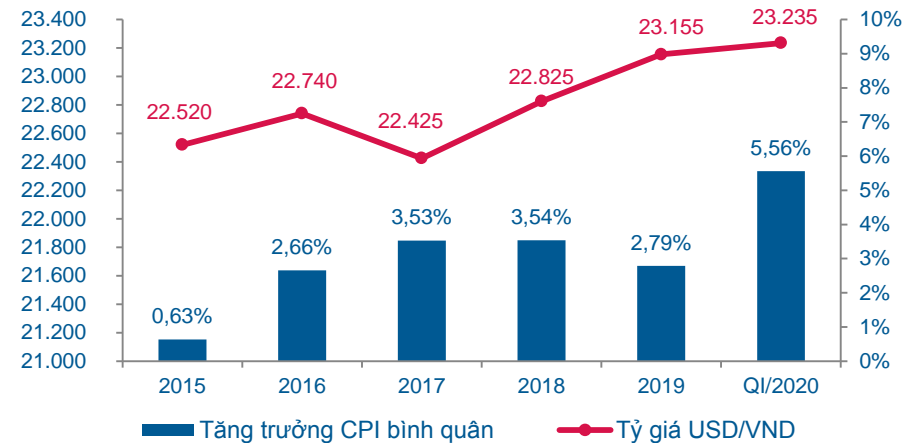
## Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô tăng trưởng chậm lại do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP



Tăng trưởng CPI, tỷ giá



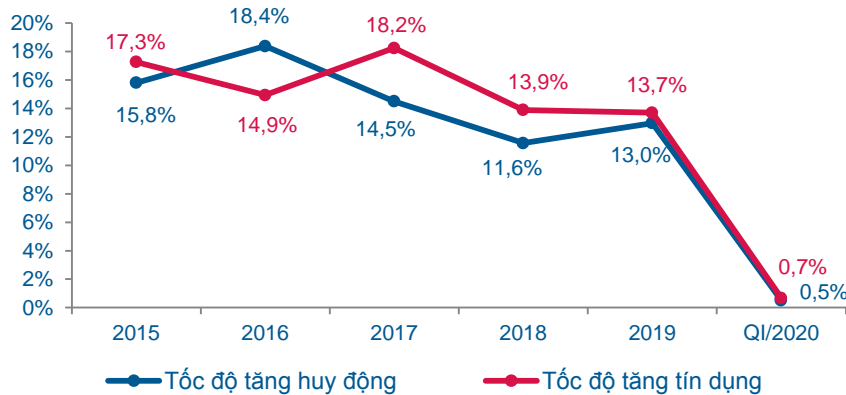
Chỉ số	2015	2016	2017	2018	2019	Quý I/2020
Tăng trưởng GDP (%)	6,68%	6,21%	6,81%	7,08%	7,02%	3,82%
Lạm phát (trung bình, %)	2,05%	1,83%	1,41%	1,48%	2,01%	3,05%
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33%	2,30%	2,24%	2,00%	1,98%	2,02%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	162,4	175,9	213,77	244,72	263,45	59,08
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	8,1%	8,6%	21,1%	13,8%	8,1%	0,5%
Tổng kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	165,6	173,3	211,10	237,51	253,51	56,26
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	12,0%	4,6%	20,8%	11,5%	7,0%	-1,9%
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-3,2	2,68	2,7	7,2	9,9	2,8
FDI đăng ký mới (tỷ USD)	15,58	15,2	21,3	17,98	16,7	5,5
FDI thực hiện (tỷ USD)	14,5	15,8	17,5	19,1	20,4	3,9

Nguồn: Tổng cục thống kê

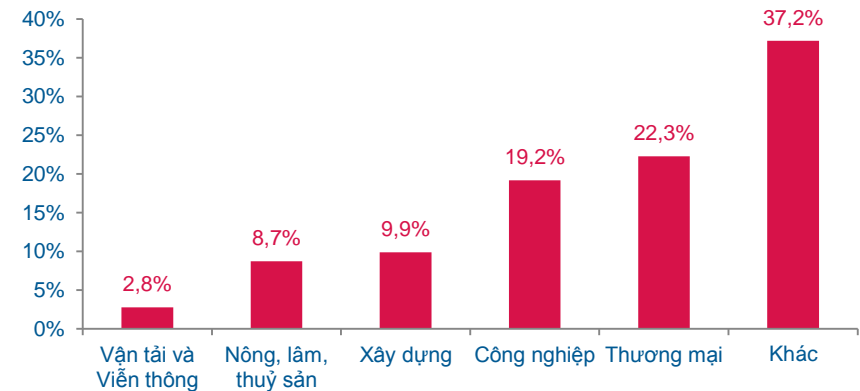
# 1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

Quy mô nguồn vốn, tín dụng toàn ngành ngân hàng Quý I/2020 tăng trưởng thấp. Dư nợ các ngành kinh doanh chịu ảnh hưởng nặng từ dịch bệnh thu hẹp. Tỷ lệ nợ xấu tăng đáng kể, chi phí dự phòng rủi ro phát sinh tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

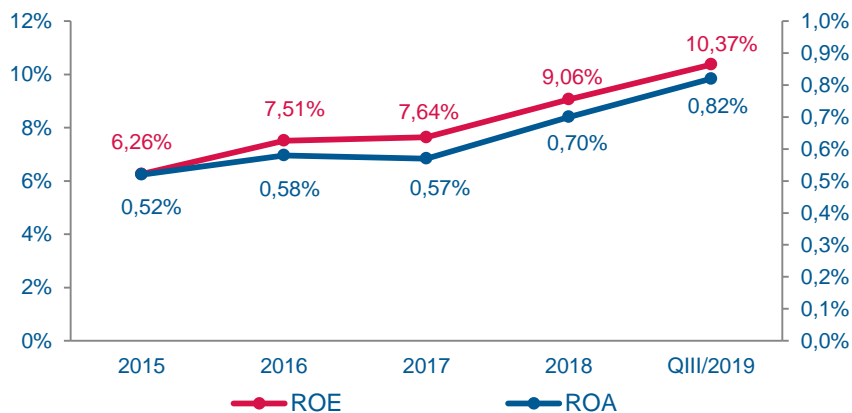
## Tăng trưởng dư nợ và nguồn vốn toàn ngành



## Tỷ trọng tín dụng một số ngành tại tháng 2/2020

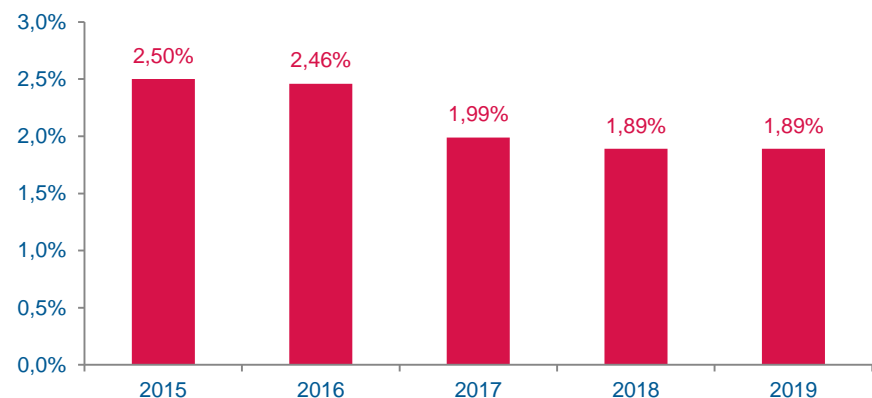


## Hiệu quả sinh lời toàn ngành (\*)



(\*): NHNN chưa cập nhật số liệu năm 2019 và Quý I/2020.

## Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành (\*\*)



(\*\*): NHNN chưa cập nhật số liệu Quý I/2020.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

## 2. Thông tin chung về VietinBank

- ❖ Các mốc lịch sử quan trọng
- ❖ Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi
- ❖ Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu
- ❖ Cơ cấu tổ chức

## 2. Thông tin chung về VietinBank

### Các mốc lịch sử quan trọng

VietinBank là ngân hàng hàng đầu của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế.



## 2. Thông tin chung về VietinBank

### Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi



#### Sứ mệnh

---

Là ngân hàng số 1 của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế.



#### Tầm nhìn

---

Ngân hàng dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế.



#### Giá trị cốt lõi

---

- ❖ Hướng đến khách hàng;
- ❖ Hướng đến sự hoàn hảo;
- ❖ Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, hiện đại;
- ❖ Trung thực, chính trực, minh bạch, đạo đức nghề nghiệp;
- ❖ Sự tôn trọng;
- ❖ Bảo vệ và phát triển thương hiệu;
- ❖ Phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.



## 2. Thông tin chung về VietinBank

### Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu

**BrandFinance®**

#### TOP 300 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI

Năm 2020, VietinBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất 2 lần liên tiếp vào Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới theo công bố của Brand Finance, xếp hạng 277.

**Forbes**

#### TOP 2.000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Lần thứ 8 liên tiếp VietinBank lọt vào danh sách Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank đạt doanh thu 3,7 tỷ USD và tài sản đạt 50,2 tỷ USD.



#### THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM

Lần thứ 5 liên tiếp VietinBank là doanh nghiệp có sản phẩm dịch vụ đạt Thương hiệu quốc gia. Đây là giải thưởng uy tín và cao quý được Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng Thương hiệu Quốc gia, Ban Thư ký Thương hiệu Quốc gia phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức.



#### THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM

Lần thứ 15 liên tiếp VietinBank được trao danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam. Chương trình nhằm ghi nhận, động viên và cổ vũ những doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tốc độ tăng trưởng cao và có nhiều đóng góp cho đất nước.

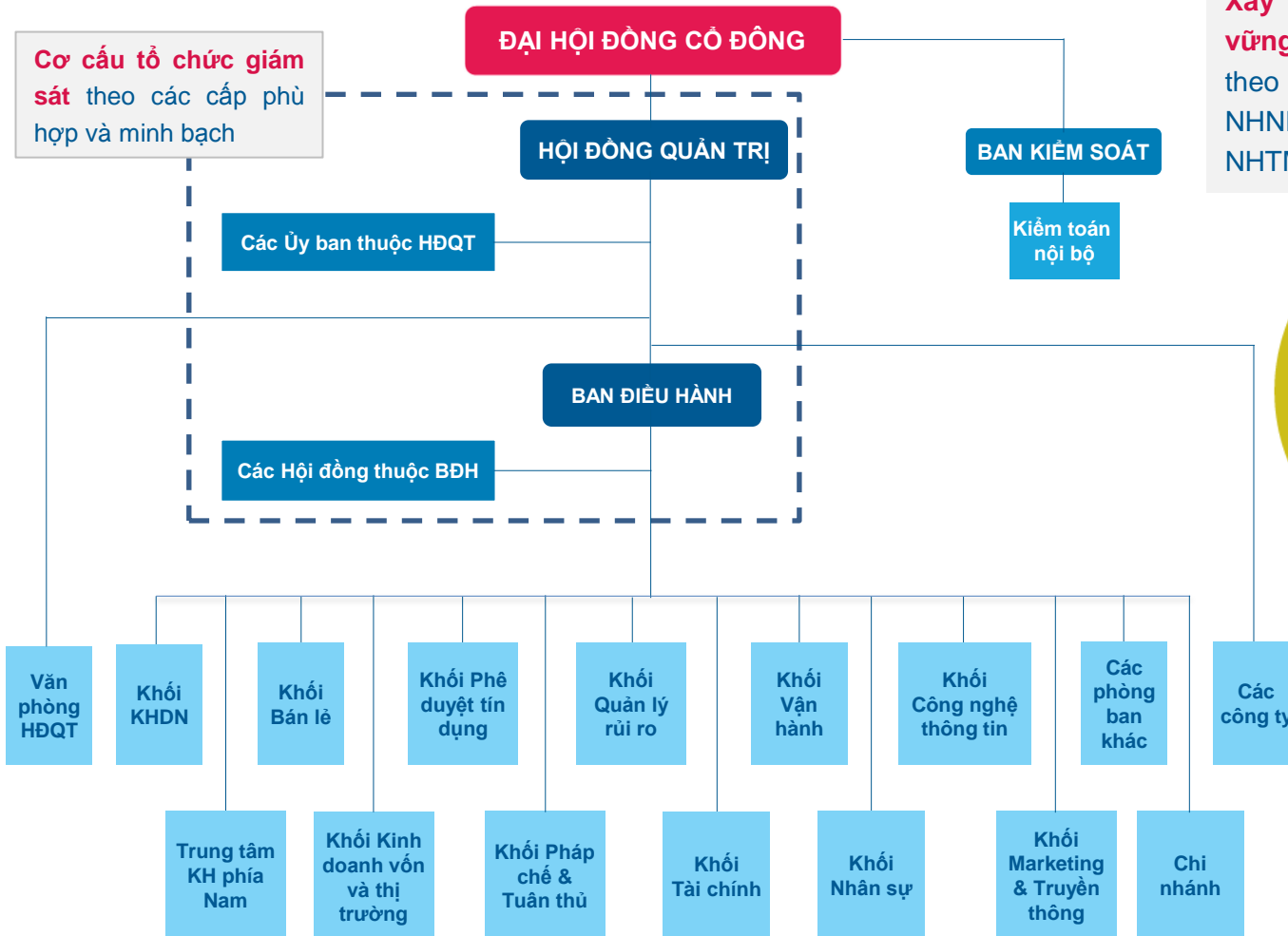


#### TOP 50 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM

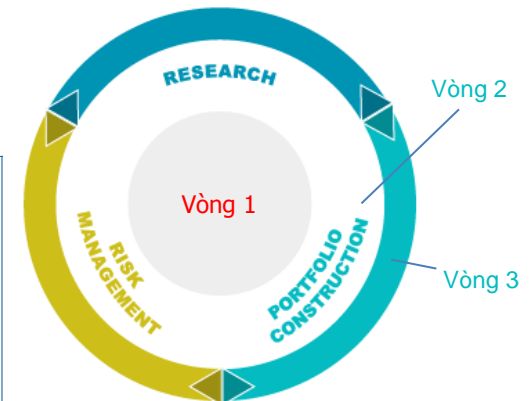
Theo công bố của Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet, VietinBank tiếp tục nằm trong Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam. Đồng thời, VietinBank tiếp tục vào trong Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam. VietinBank cũng nằm trong Top 10 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam theo công bố của Forbes Việt Nam.

## 2. Thông tin chung về VietinBank Cơ cấu tổ chức

Mô hình tổ chức tiệm cận với mô hình ưu việt, hiện đại của quốc tế.



**Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ vững chắc** với 3 tuyến bảo vệ độc lập theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM



**Thành lập mô hình khối và trung tâm khách hàng** tại các khu vực kinh tế trọng điểm nhằm **chuyên môn hóa** công tác quản trị, điều hành và **thúc đẩy phát triển năng lực hoạt động** theo từng nghiệp vụ, hướng tới việc phục vụ khách hàng tốt hơn

# 3. Điểm nhấn đầu tư

- ❖ Đổi mới mạnh mẽ, tăng trưởng bền vững
- ❖ Mạng lưới rộng lớn, xếp hạng tín nhiệm cao
- ❖ Sự hỗ trợ tích cực từ các cổ đông lớn
- ❖ Nền tảng và giải pháp công nghệ hiện đại
- ❖ Nền tảng khách hàng đa dạng
- ❖ Nhân sự chất lượng cao

### 3. Điểm nhấn đầu tư

## Đổi mới mạnh mẽ, tăng trưởng bền vững

Chiến lược đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại kết quả bứt phá trong hoạt động kinh doanh.

#### 1 Đổi mới mô hình tăng trưởng

- ❖ Từ dựa vào quy mô là chính sang cải thiện chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động.
- ❖ Duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng khách hàng bán lẻ và SME.

#### 2 Thay đổi phương thức kinh doanh

- ❖ Từ cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng/nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết.

#### 3 Quản trị chi phí hiệu quả

- ❖ Hoạt động quản trị tài chính được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và hiệu quả

#### 4 Quản lý tốt chất lượng tài sản

- ❖ Tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro.
- ❖ Quản trị tốt tài sản có rủi ro.

#### 5 Kiện toàn mô hình cơ cấu tổ chức

- ❖ Tinh gọn bộ máy tổ chức, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả.
- ❖ Tối ưu hóa hoạt động các đơn vị mạng lưới.

### 3. Điểm nhấn đầu tư

#### Mạng lưới rộng lớn, xếp hạng tín nhiệm cao

Trụ sở chính  
tại Hà Nội

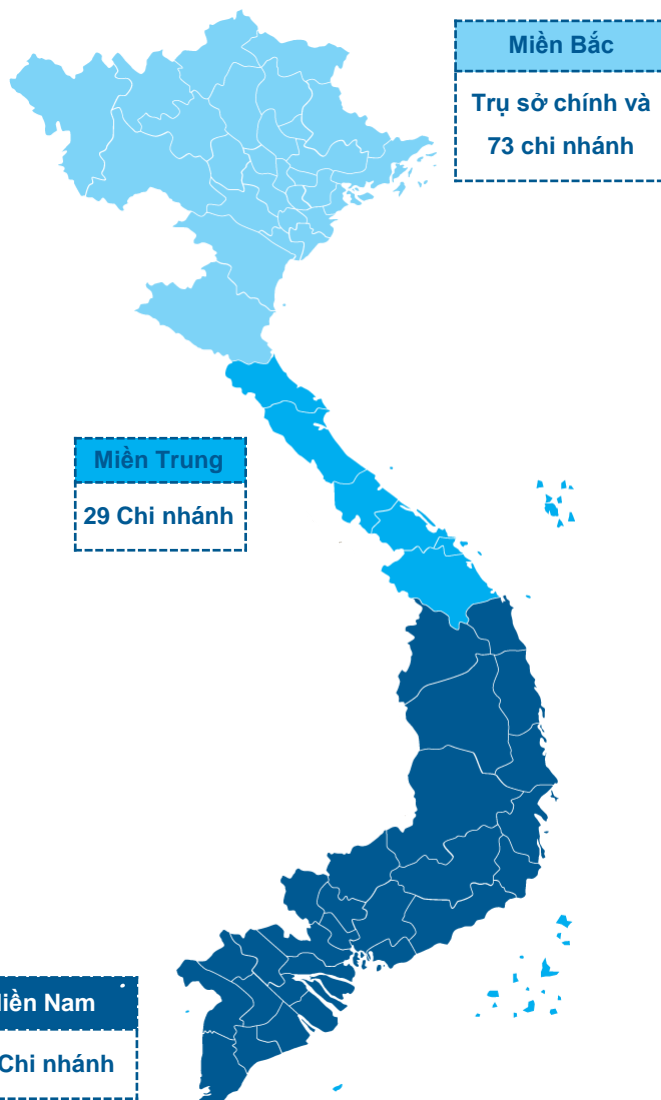
02 Văn phòng  
đại diện

155 Chi nhánh  
958 PGD

01 Công ty liên  
doanh

07 Công ty con

09 Đơn vị sự  
nghiệp



#### Mạng lưới rộng lớn

##### Mạng lưới trong nước:

- ❖ Trụ sở chính tại Hà Nội
- ❖ 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- ❖ 01 Trung tâm khách hàng phía Nam tại TP.HCM
- ❖ 155 Chi nhánh, 958 Phòng giao dịch trải dài khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- ❖ 09 Đơn vị sự nghiệp
- ❖ 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- ❖ 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- ❖ Trên 2.000 máy ATM và hơn 30 nghìn POS

##### Mạng lưới quốc tế:

- ❖ 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- ❖ 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- ❖ 01 Ngân hàng con tại Lào
- ❖ 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới

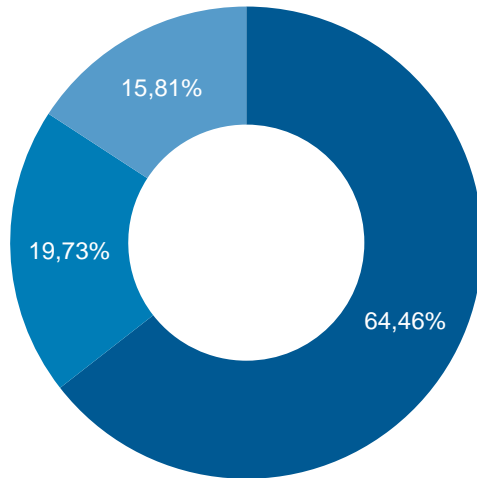
#### Xếp hạng tín nhiệm cao

	Ngắn hạn	Dài hạn
FitchRatings	B	BB-
MOODY'S	-	Ba3

### 3. Điểm nhấn đầu tư

#### Sự hỗ trợ tích cực từ các cổ đông lớn

##### Cơ cấu cổ đông



■ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

■ MUFG

■ Cổ đông khác

##### Hỗ trợ của cổ đông lớn

###### Cổ đông lớn



Ngân hàng Nhà nước

###### Hỗ trợ

- ❖ Nắm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank
- ❖ Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.



- ❖ MUFG ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
  - Dịch vụ ngân hàng bán lẻ và dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
  - Dịch vụ cho doanh nghiệp FDI
  - Ngân hàng đầu tư
  - Dịch vụ quản lý tiền mặt và thanh toán
  - Quản lý rủi ro và triển khai BASEL II
  - Công nghệ thông tin
  - Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

### 3. Điểm nhấn đầu tư

#### Sở hữu nền tảng và giải pháp công nghệ hiện đại bậc nhất

Hệ thống corebanking hiện đại bậc nhất Việt Nam và hệ thống công nghệ thông tin ngày càng hoàn thiện giúp nâng cao năng suất, hiệu quả, giảm thiểu chi phí và nâng cao khả năng kiểm soát hoạt động.



Triển khai chiến lược đảm bảo an toàn thông tin tổng thể, kết hợp nhiều phương thức bảo mật khác nhau.



Chủ động trong việc theo kịp xu hướng công nghệ, phối hợp với các công ty công nghệ tài chính (Fintech) đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho khách hàng.





### 3. Điểm nhấn đầu tư

## Nền tảng khách hàng đa dạng với số lượng khách hàng lớn

VietinBank tăng cường hiệu quả phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, tập đoàn, tổng công ty, đồng thời mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



PETROLIMEX





### 3. Điểm nhấn đầu tư Ban Lãnh đạo

Lãnh đạo cấp cao giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông  
Lê Đức Thọ  
Chủ tịch HĐQT



Ông  
Trần Minh Bình  
TV HĐQT



Ông  
Trần Văn Tàn  
TV HĐQT



Bà  
Trần Thu Huyền  
TV HĐQT



Ông  
Nguyễn Thế Huân  
TV HĐQT



Bà  
Phạm Thị Thanh Hoài  
TV HĐQT



Ông  
Hiroshi Yamaguchi  
TV HĐQT



Ông  
Hideaki Takase  
TV HĐQT

#### BAN ĐIỀU HÀNH



Ông  
Trần Minh Bình  
TGD



Bà  
Nguyễn Hồng Vân  
Phó TGD



Bà  
Lê Như Hoa  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Hoàng Dũng  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Đức Thành  
Phó TGD



Ông  
Trần Công Quỳnh Lâm  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Đình Vinh  
Phó TGD



Ông  
Hiroshi Yamaguchi  
Phó TGD



Ông  
Nguyễn Hải Hưng  
Kế toán trưởng

#### BAN KIỂM SOÁT



Bà  
Lê Anh Hà  
Trưởng BKS



Bà  
Nguyễn Thị Anh Thư  
TV BKS



Ông  
Nguyễn Mạnh Toàn  
TV BKS

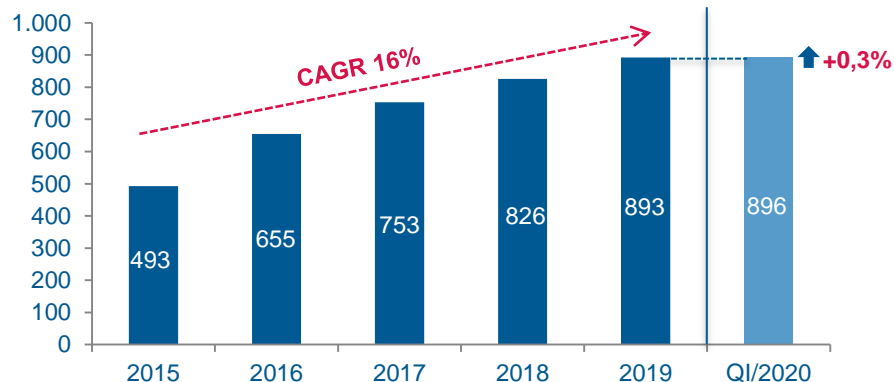
## 4. Kết quả hoạt động

- ❖ Tiền gửi khách hàng tăng nhẹ, cho vay khách hàng giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19
- ❖ Tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng tài sản
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Lợi nhuận giảm do ảnh hưởng từ dịch Covid-19
- ❖ Các chỉ tiêu hiệu quả được cải thiện

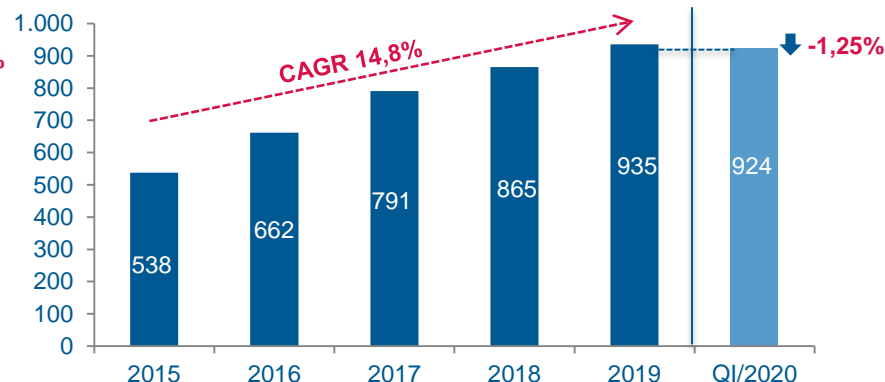
## 4. Kết quả hoạt động

### Tiền gửi KH tăng nhẹ, cho vay KH giảm do dịch Covid-19

Tiền gửi khách hàng  
(nghìn tỷ đồng)

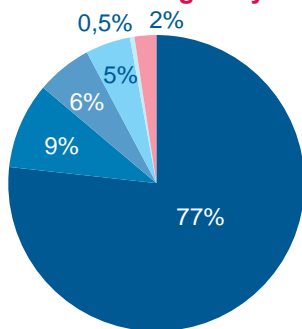


Cho vay khách hàng  
(nghìn tỷ đồng)

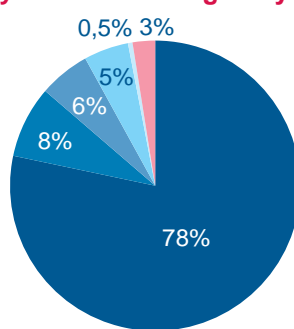


### Cơ cấu huy động vốn

Năm 2019: 1.163 nghìn tỷ đồng



Quý I/2020: 1.144 nghìn tỷ đồng



- Tiền gửi khách hàng
- Tiền gửi và vay các TCTC khác
- Vay Chính phủ và NHNN
- Phát hành giấy tờ có giá
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Nguồn huy động khác

### Thị phần:

- ❖ Tiền gửi tổ chức kinh tế và dân cư (tại 29/2/2020): 10,14%
- ❖ Dư nợ cho vay (tại 31/03/2020): 11,13%

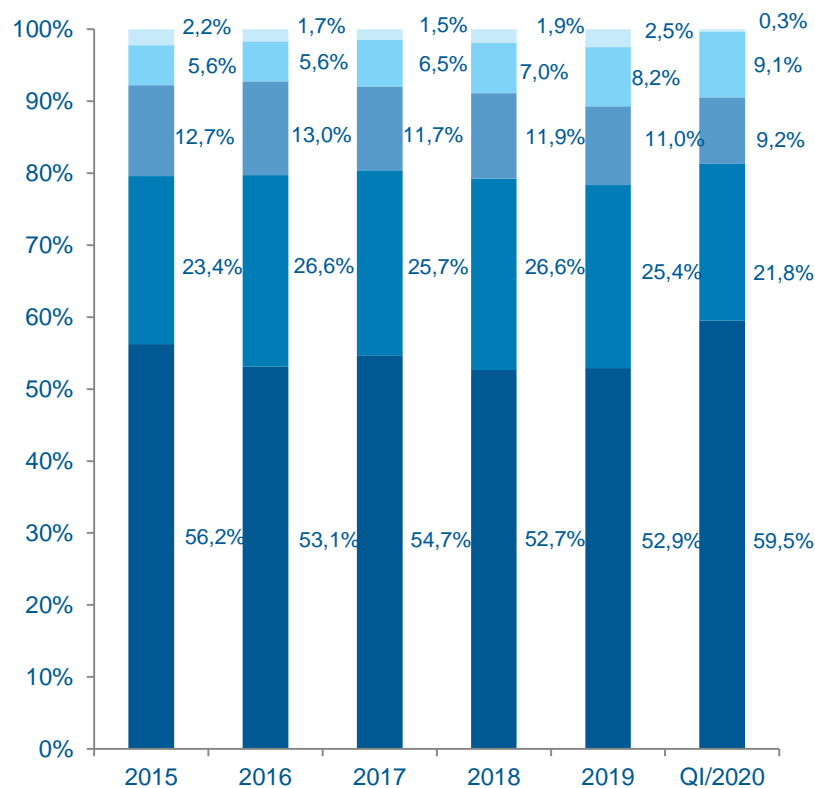
(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, CIC)

## 4. Kết quả hoạt động

### Tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu tín dụng

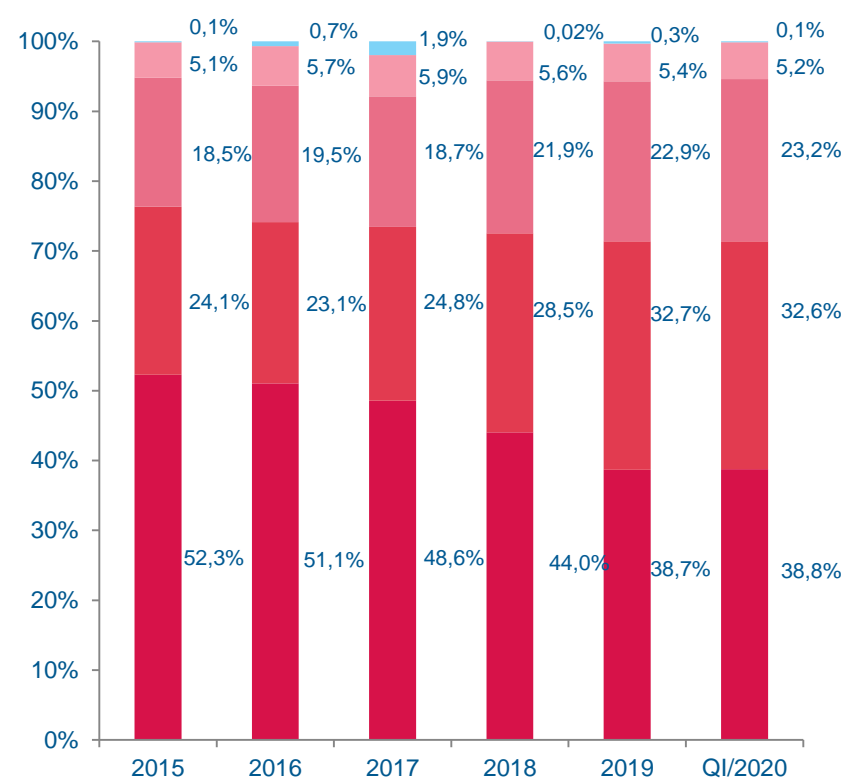
Tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tăng tỷ trọng các phân khúc có hiệu quả sinh lời cao bao gồm phân khúc SMEs và phân khúc khách hàng bán lẻ.

Cơ cấu tiền gửi



■ Thành phần khác ■ FDI ■ SME ■ DN lớn ■ Bán lẻ

Cơ cấu cho vay



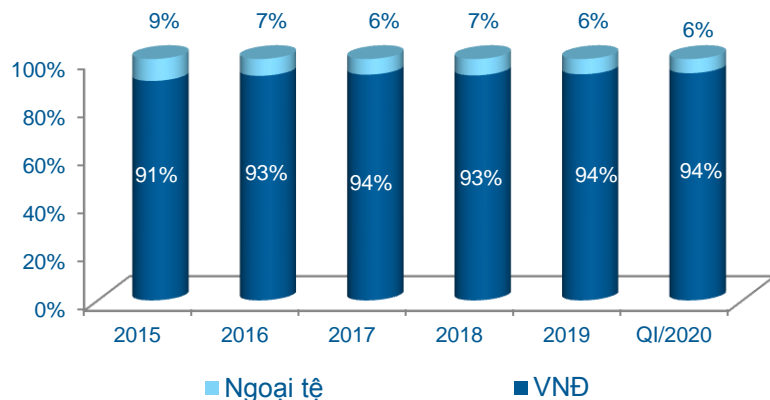
■ Thành phần khác ■ FDI ■ SME ■ Bán lẻ ■ DN lớn

## 4. Kết quả hoạt động

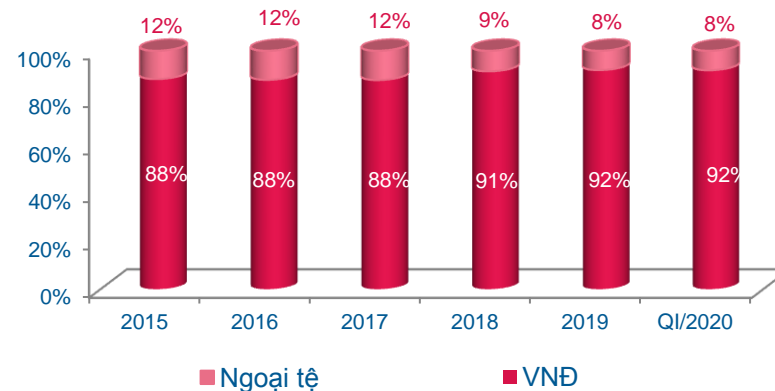
### Cơ cấu nguồn vốn ổn định

Chú trọng tăng trưởng nguồn vốn ổn định từ thị trường 1, bảo đảm hiệu quả và an toàn thanh khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và các dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

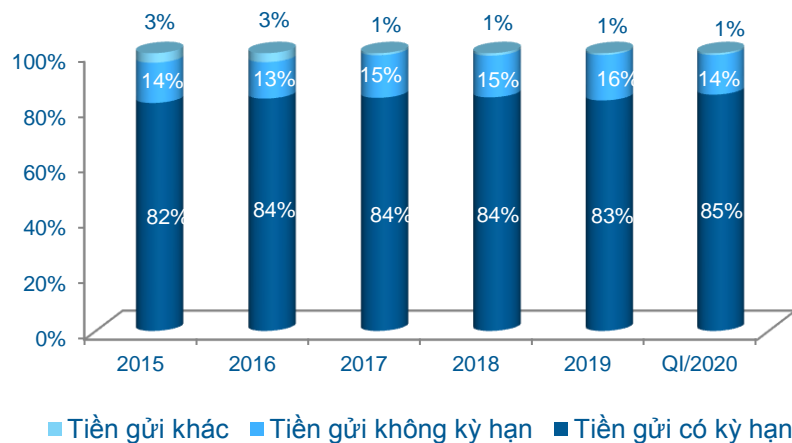
Cơ cấu tiền gửi theo đồng tiền



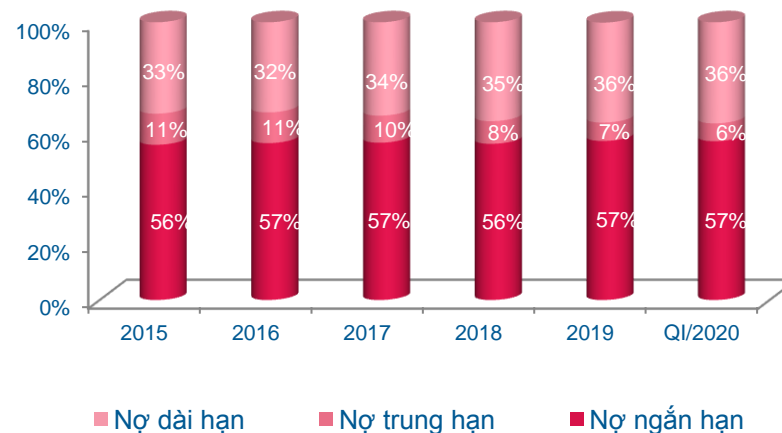
Cơ cấu cho vay theo đồng tiền



Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn



Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn



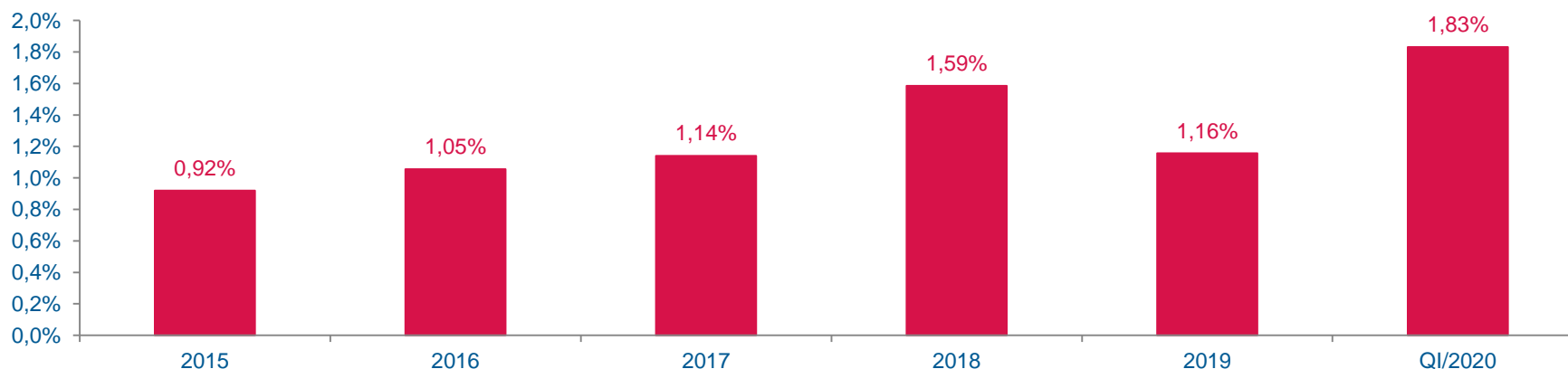
## 4. Kết quả hoạt động

### Tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng tài sản

Rà soát chặt chẽ danh mục khách hàng, kiểm soát tốt chất lượng tài sản theo hướng minh bạch hóa. Thực hiện mua lại một phần nợ bán VAMC.

Nhóm	2016		2017		2018 điều chỉnh lại		2019		Quý I/2020	
	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
<b>Nhóm 1</b> <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	648.968	98,03	778.050	98,40	846.022	97,81	918.780	98,24	898.765	97,31
<b>Nhóm 2</b> <i>Nợ cần chú ý</i>	6.037	0,91	3.627	0,46	5.194	0,60	5.677	0,60	7.941	0,86
<b>Nợ xấu</b>	6.983	1,06	9.011	1,14	13.709	1,59	10.813	1,16	16.917	1,83
<b>Tổng</b>	<b>661.988</b>	<b>100</b>	<b>790.688</b>	<b>100</b>	<b>864.926</b>	<b>100</b>	<b>935.271</b>	<b>100</b>	<b>923.623</b>	<b>100</b>

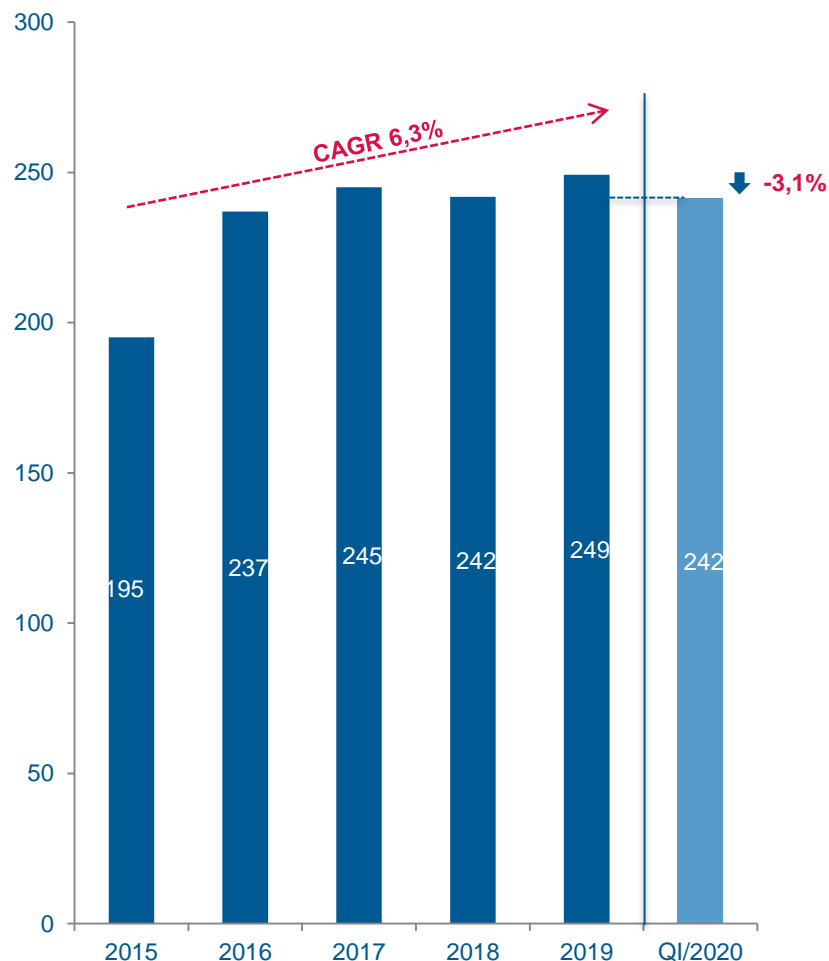
Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay khách hàng



## 4. Kết quả hoạt động

### Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng

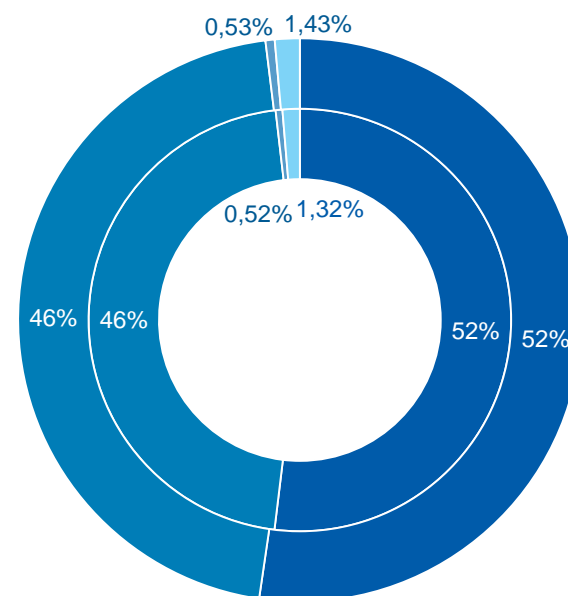
Tổng danh mục đầu tư  
(nghìn tỷ đồng)



Cơ cấu danh mục đầu tư

Vòng trong: Tại 31/12/2019

Vòng ngoài: Tại 31/03/2020



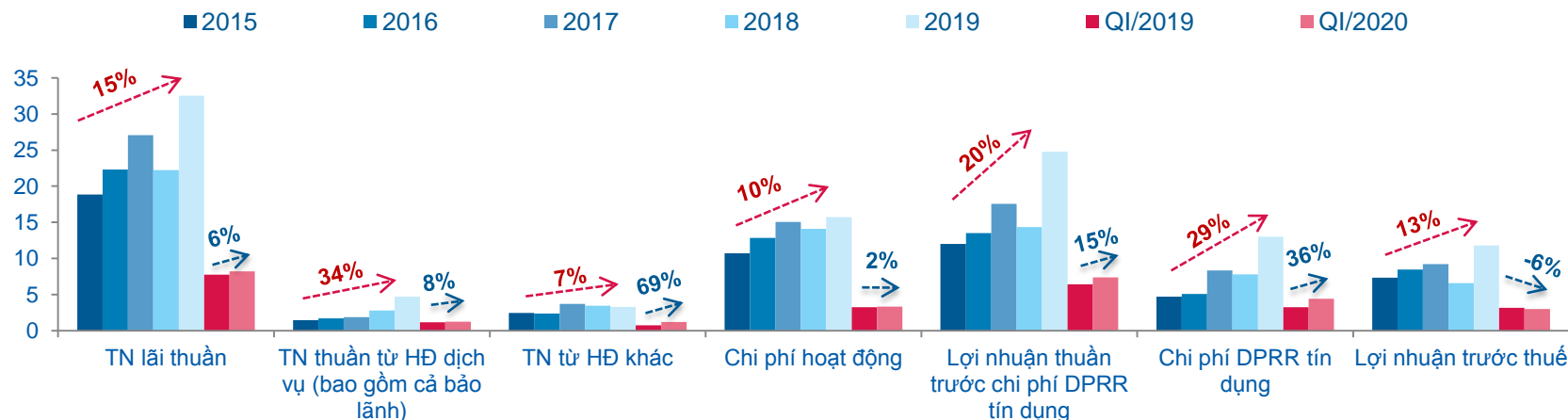
- Liên ngân hàng
- Chứng khoán nợ
- Chứng khoán vốn
- Đầu tư dài hạn

## 4. Kết quả hoạt động

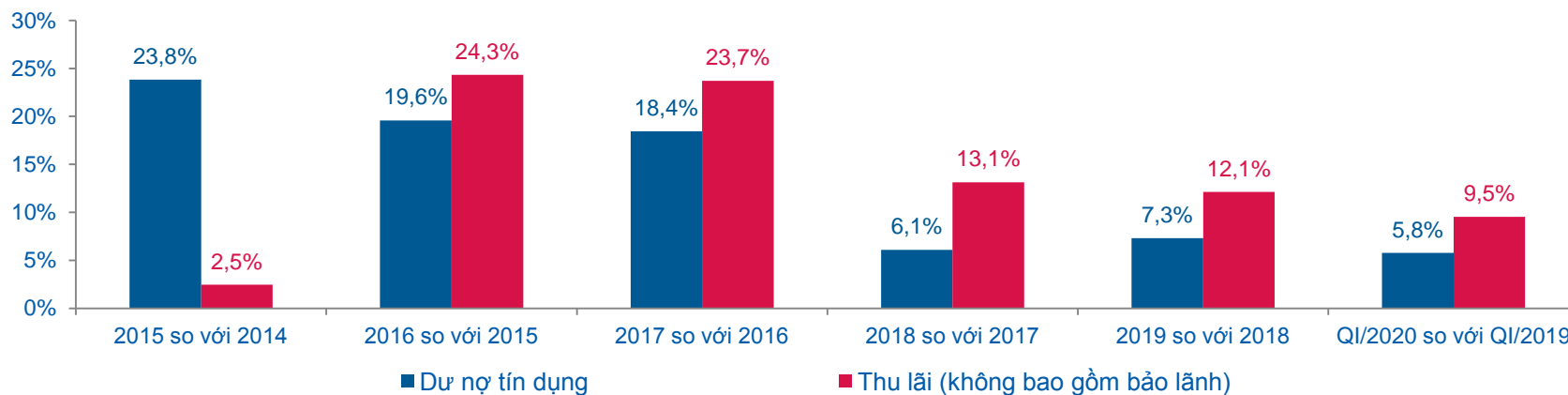
### Lợi nhuận giảm do ảnh hưởng từ dịch Covid-19

Lợi nhuận giảm nhẹ do thực hiện các chính sách hỗ trợ, đồng hành cùng khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

#### Diễn biến thu nhập và chi phí (nghìn tỷ đồng)



#### Tương quan tăng trưởng thu lãi và quy mô tín dụng



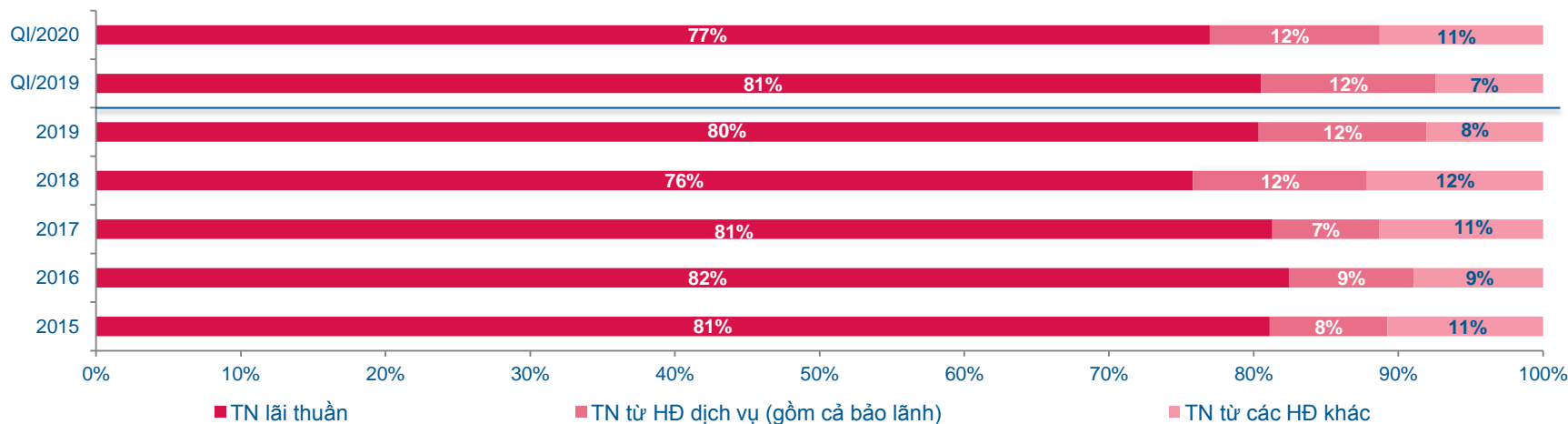


## 4. Kết quả hoạt động

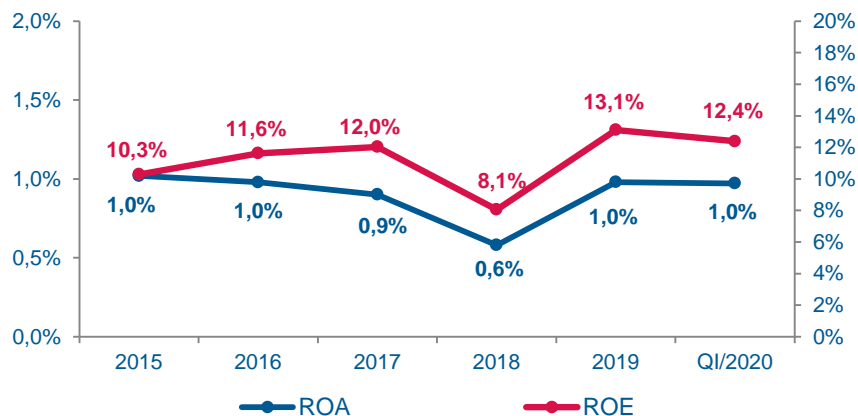
### Các chỉ tiêu hiệu quả được cải thiện

Cơ cấu thu nhập từng bước được cải thiện, tỷ trọng thu ngoài lãi tăng. Hiệu quả quản trị chi phí được nâng cao với tỷ lệ CIR Quý I/2020 đạt mức thấp nhất từ trước tới nay và VietinBank cũng là một trong những ngân hàng có mức CIR thấp trong hệ thống.

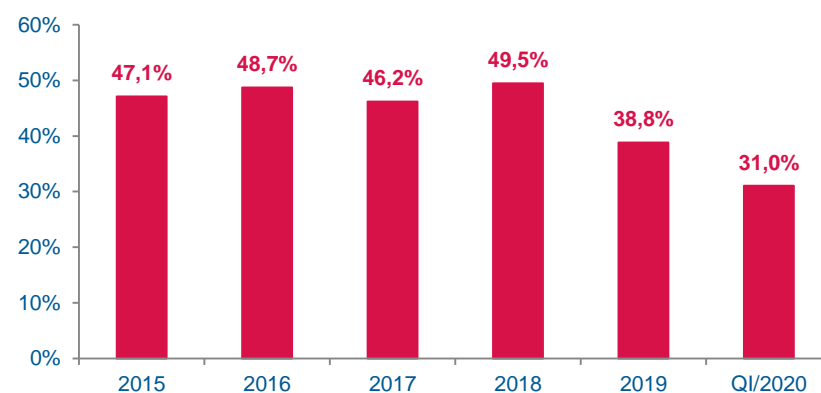
#### Cơ cấu các khoản thu nhập hoạt động



#### Hiệu quả sinh lời



#### Tỷ lệ CIR



### Mục tiêu

### 2020: Nâng cao hiệu quả hoạt động

#### CHUYỂN ĐỔI MẠNH MẼ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG

(1) Phát triển quy mô bền vững

(2) Chuyển dịch cơ cấu sang khách hàng bán lẻ và SME

(3) Chuyển dịch cơ cấu thu nhập, tăng thu dịch vụ

(4) Khai thác hiệu quả các ngành, lĩnh vực theo chiến lược phát triển vùng kinh tế

(5) Quản trị tài chính hiệu quả và nâng cao chất lượng tài sản

(6) Chủ động triển khai các biện pháp nâng cao năng lực tài chính

#### LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM, NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

(1) Phát triển các chuỗi liên kết, cung cấp tổng thể giải pháp dịch vụ tài chính cho khách hàng

(2) Phát triển dịch vụ hiện đại trên nền tảng công nghệ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực thanh toán

(3) Nâng cao chất lượng dịch vụ

#### PHÁT TRIỂN YẾU TỐ NỀN TẢNG

(1) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, phát triển cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ vào phát triển kinh doanh, quản trị điều hành, nâng cao an toàn bảo mật

(2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng

(3) Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả vận hành. Nâng cao yếu tố tự động hóa trong hoạt động vận hành. Cải tiến, tinh gọn quy trình, chính sách. Giảm thiểu thời gian tác nghiệp, rút ngắn thời gian xử lý giao dịch

(4) Nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới

(5) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát nội bộ

(6) Phát triển thương hiệu mạnh và nâng cao công tác marketing sản phẩm dịch vụ

# 6. Phụ lục

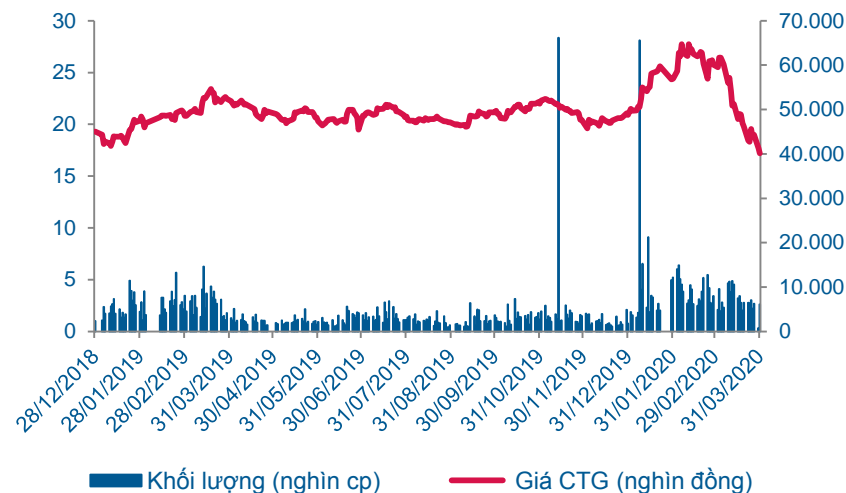
- ❖ Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG
- ❖ Bảng cân đối kế toán
- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ❖ Website Quan hệ Nhà đầu tư

## 6. Phụ lục

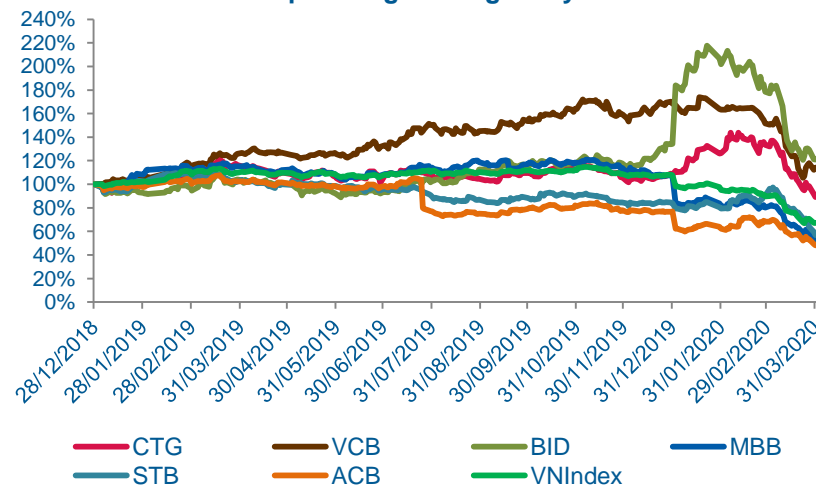
### Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - Quý I/2020

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu Quý I/2020 (02/01/2020)	21.500 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối Quý I/2020 (31/03/2020)	17.200 đồng/cp
Biến động giá trong Quý I/2020	27.750 - 17.200 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	530.635.154 cp
Giá trị giao dịch	12.711 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Mua ròng 7.356.503 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	29,68%
EPS	2.594 đồng/cp
P/E (31/03/2020)	6,63x
BVPS	21.166 đồng/cp
P/B (31/03/2020)	0,81x

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - Quý I/2020



Tăng trưởng của VN-Index và cổ phiếu ngân hàng - Quý I/2020



## 6. Phụ lục

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	QI/2020
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.187	5.980	7.028	8.283	7.358
Tiền gửi tại NHNN	13.503	20.756	23.182	24.874	25.157
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	94.469	107.510	130.512	129.389	126.351
Chứng khoán kinh doanh	1.895	3.529	3.132	3.825	1.063
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	683	529	281	470	0
Cho vay khách hàng	661.988	790.688	864.926	935.271	923.623
DPRR cho vay khách hàng	(6.899)	(8.303)	(13.060)	(12.946)	(13.079)
Chứng khoán đầu tư	134.227	128.393	102.100	104.615	104.957
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.203	3.114	3.317	3.283	3.444
Tài sản cố định	10.624	11.437	11.140	10.997	11.009
Tài sản có khác	29.689	31.427	31.731	32.651	32.767
<b>Tổng tài sản có</b>	<b>948.568</b>	<b>1.095.061</b>	<b>1.164.290</b>	<b>1.240.711</b>	<b>1.222.652</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	4.808	15.207	62.600	70.603	64.984
Tiền gửi và vay các TCTD khác	85.152	115.159	111.400	109.483	91.560
Tiền gửi của khách hàng	655.060	752.935	825.816	892.785	895.751
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	0	0	0	0	151
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	6.075	6.364	5.934	5.776	5.812
Phát hành giấy tờ có giá	23.849	22.502	46.216	57.066	57.066
Các khoản nợ khác	113.315	119.129	45.007	27.643	28.516
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>888.261</b>	<b>1.031.296</b>	<b>1.096.973</b>	<b>1.163.357</b>	<b>1.143.840</b>
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.416	46.725	46.725
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	6.367	7.476	8.168	9.610	9.606
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	480	551	600	626	642
Lợi nhuận chưa phân phối	6.991	9.234	11.837	19.833	21.288
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>60.307</b>	<b>63.765</b>	<b>67.316</b>	<b>77.355</b>	<b>78.811</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	260	295	296	561	552
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>948.568</b>	<b>1.095.061</b>	<b>1.164.290</b>	<b>1.240.711</b>	<b>1.222.652</b>

## 6. Phụ lục

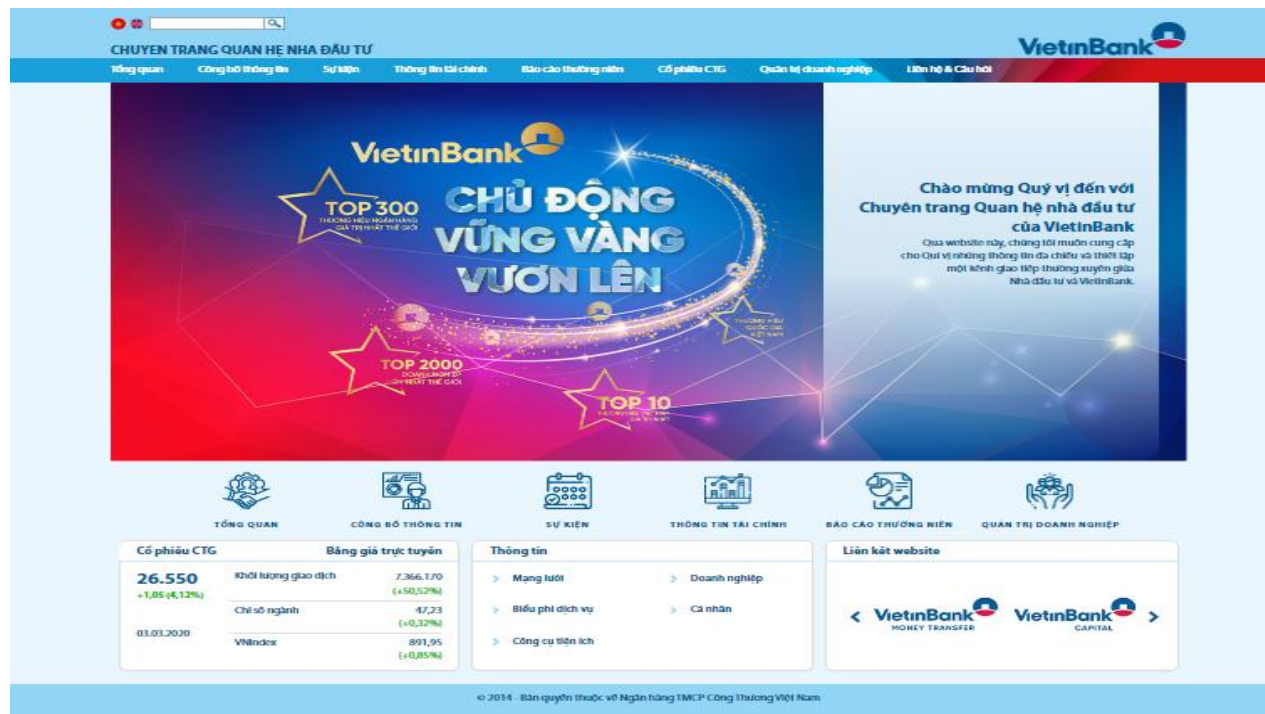
### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	Q1/2020	Q1/2019
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.890	65.277	73.870	82.743	21.512	19.659
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(30.586)	(38.204)	(51.658)	(49.544)	(13.093)	(11.709)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>22.304</b>	<b>27.073</b>	<b>22.212</b>	<b>33.199</b>	<b>8.418</b>	<b>7.950</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.334	4.302	5.964	7.888	1.924	1.706
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.636)	(2.447)	(3.193)	(3.833)	(865)	(736)
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.698</b>	<b>1.855</b>	<b>2.771</b>	<b>4.055</b>	<b>1.059</b>	<b>969</b>
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	685	710	710	1.564	393	414
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	184	325	271	366	263	131
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	41	(81)	218	(791)	165	(83)
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	1.299	1.995	1.889	1.497	275	149
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	150	743	374	628	111	101
<b>Thu nhập ngoài lãi</b>	<b>4.057</b>	<b>5.547</b>	<b>6.234</b>	<b>7.320</b>	<b>2.266</b>	<b>1.683</b>
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>26.361</b>	<b>32.620</b>	<b>28.446</b>	<b>40.519</b>	<b>10.685</b>	<b>9.632</b>
Chi phí hoạt động	(12.849)	(15.070)	(14.084)	(15.735)	(3.318)	(3.238)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	13.512	17.550	14.361	24.785	7.367	6.394
Chi phí DPRR tín dụng	(5.059)	(8.344)	(7.803)	(13.004)	(4.393)	(3.242)
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.454</b>	<b>9.206</b>	<b>6.559</b>	<b>11.781</b>	<b>2.974</b>	<b>3.153</b>
Chi phí thuế TNDN	(1.688)	(1.747)	(1.281)	(2.304)	(570)	(614)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>6.765</b>	<b>7.459</b>	<b>5.277</b>	<b>9.477</b>	<b>2.405</b>	<b>2.539</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(20)	(27)	(2)	(16)	10	(11)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	6.745	7.432	5.275	9.461	2.414	2.528

## 6. Phụ lục

### Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>



Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

**Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông - Văn phòng HĐQT**

**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: [investor@vietinbank.vn](mailto:investor@vietinbank.vn)

Điện thoại: 84.24.39413622

# Trân trọng cảm ơn!

## **Tuyên bố trách nhiệm:**

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.